

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024



**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	08 - 09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 36

22  
NG  
HIỆ  
DÁN  
ỆT  
4Y

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Chúng tôi, các thành viên Ban Điều hành Công ty Cổ phần X20 (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024.

**Ban Điều hành**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

**Hội đồng quản trị**

Ông Chu Văn Đệ	Chủ tịch
Ông Hoàng Sỹ Tâm	Phó Chủ tịch
Ông Hà Chí Khoa	Thành viên
Ông Phạm Văn Đông	Thành viên
Ông Lê Văn Nghĩa	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 02/8/2024)
Ông Đỗ Hoàng Sơn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 02/8/2024)
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 02/8/2024)
Bà Nguyễn Thị Lan Phương	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 02/8/2024)
Ông Hoàng Văn Linh	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 02/8/2024)

**Ban Tổng giám đốc**

Ông Hoàng Sỹ Tâm	Tổng Giám đốc
Ông Hà Chí Khoa	Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Văn Đông	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Văn Nghĩa	Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm ngày 02/8/2024)
Bà Ngô Thị Hoa	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 02/8/2024)

**Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

(tiếp theo)

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**



**Chu Văn Đệ**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2024

C. T. C.  
J HẠN  
V H GIẢ  
M  
P. H. P.

Số: 280806 -24/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý cổ đông và Ban Điều hành  
Công ty Cổ phần X20**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần X20 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 8 năm 2024, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



**Ngô Bá Duy**

Phó Tổng giám đốc - Giám đốc kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/6/2024	01/01/2024
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>264.903.217.094</b>	<b>380.902.925.026</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1.</b>	<b>100.600.431.445</b>	<b>55.568.521.339</b>
1. Tiền	111		100.600.431.445	54.063.158.325
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.505.363.014
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.3.</b>	<b>300.000.000</b>	<b>300.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		300.000.000	300.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>48.841.248.592</b>	<b>91.540.329.770</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	49.751.961.896	102.777.945.702
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	10.632.621.892	1.827.924.641
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	1.838.691.065	204.167.555
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6.	(13.382.026.261)	(13.269.708.128)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7.</b>	<b>109.720.583.461</b>	<b>219.539.809.977</b>
1. Hàng tồn kho	141		115.960.312.430	226.544.080.219
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.239.728.969)	(7.004.270.242)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.440.953.596</b>	<b>13.954.263.940</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.	1.545.932.975	464.930.876
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.751.700.618	12.907.581.028
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	V.14.	143.320.003	581.752.036
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>196.366.689.757</b>	<b>208.861.110.118</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>183.988.762.634</b>	<b>194.643.651.415</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	V.10.	172.920.328.276	183.420.746.919
- Nguyên giá	222		506.417.054.100	499.168.934.883
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(333.496.725.824)	(315.748.187.964)
2. TSCĐ vô hình	227	V.11.	11.068.434.358	11.222.904.496
- Nguyên giá	228		12.626.806.347	12.626.806.347
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.558.371.989)	(1.403.901.851)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.9.</b>	<b>1.955.420.519</b>	<b>1.324.043.519</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.955.420.519	1.324.043.519
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.3.</b>	<b>3.469.242.822</b>	<b>3.348.194.519</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		3.469.242.822	3.348.194.519
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.953.263.782</b>	<b>9.545.220.665</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.	6.953.263.782	9.007.949.387
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.19.	-	537.271.278
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>461.269.906.851</b>	<b>589.764.035.144</b>

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này)

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024	01/01/2024
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>190.422.739.427</b>	<b>330.557.418.166</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>186.573.713.079</b>	<b>327.093.816.398</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	75.883.183.263	232.405.251.732
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.	63.115.334.672	3.513.594.515
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	V.14.	3.951.003.428	7.476.882.644
4. Phải trả người lao động	314		30.602.561.013	60.154.152.959
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15.	2.372.863.814	5.670.973.042
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16.	150.282.000	54.450.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17.	7.993.756.890	6.521.889.996
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18.	-	3.052.439.862
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.504.727.999	8.244.181.648
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.849.026.348</b>	<b>3.463.601.768</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.16.	70.527.832	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.17.	1.503.000.000	1.498.000.000
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.19.	309.896.748	-
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.20.	1.965.601.768	1.965.601.768
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>270.847.167.424</b>	<b>259.206.616.978</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21.</b>	<b>270.847.167.424</b>	<b>259.206.616.978</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		172.500.000.000	172.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		172.500.000.000	172.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		68.091.509.624	68.091.509.624
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		30.255.657.800	18.615.107.354
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		18.499.027.798	3.379.730.472
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.756.630.002	15.235.376.882
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>461.269.906.851</b>	<b>589.764.035.144</b>

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Trần Thị Thúy Hằng

Ngô Thị Hoa

Chu Văn Đệ

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này)

Mẫu B 02a - DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	499.660.391.013	427.320.597.125
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10		499.660.391.013	427.320.597.125
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	424.861.029.061	344.782.275.265
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		74.799.361.952	82.538.321.860
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	845.615.153	2.339.543.010
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	1.685.469	29.102.556
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	5.802.953
8. Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư vào công ty liên kết	24		121.048.303	(129.459.422)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7.	3.047.475.410	10.419.577.046
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	54.851.535.010	59.078.997.456
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		17.865.329.519	15.220.728.390
12. Thu nhập khác	31	VI.5.	130.069.926	117.323.484
13. Chi phí khác	32	VI.6.	307.070.509	424.260.944
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(177.000.583)	(306.937.460)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		17.688.328.936	14.913.790.930
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9.	5.084.530.908	3.112.124.571
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		847.168.026	161.543.685
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		11.756.630.002	11.640.122.674
18.1. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		11.756.630.002	11.640.122.674
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10.	682	675

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Trần Thị Thúy Hằng

Ngô Thị Hoa

Chu Văn Đệ

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này)



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
				Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>					
1.	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	01		17.688.328.936	14.913.790.930
2.	<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
-	Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		17.903.007.998	14.857.978.664
-	Các khoản dự phòng	03		(3.704.663.002)	(6.225.605.984)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(108.499.209)	(4.955.653)
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(268.482.893)	(2.300.656.977)
-	Chi phí lãi vay	06		-	5.802.953
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		(116.079.556)	-
3.	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08		31.393.612.274	21.246.353.933
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		51.416.541.213	(15.737.265.424)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		110.583.767.789	710.031.678
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(132.078.511.064)	(46.071.019.412)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		973.683.506	1.896.486.228
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.910.373.039)	(920.449.714)
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.739.453.649)	(4.210.377.116)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		52.639.267.030	(43.086.239.827)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>					
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.879.496.217)	(7.798.486.202)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	37.636.364
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(1.800.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	5.000.000.000
5.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		268.482.893	2.232.198.694
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		(7.611.013.324)	(2.328.651.144)

28.C  
 TY  
 HỮU  
 H  
 ĐÌNH  
 H  
 I  
 A  
 M  
 TP.

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024

(tiếp theo)

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
				Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>					
1.	Tiền thu từ đi vay	33		-	1.260.760.670
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		-	1.260.760.670
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	50		45.028.253.706	(44.154.130.301)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		55.568.521.339	111.060.205.926
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.656.400	1.629.973
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	70	V.1.	100.600.431.445	66.907.705.598

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Trần Thị Thúy Hằng

Ngô Thị Hoa

Chu Văn Đệ

Mẫu số B 09a – DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)***I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần X20 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty 20 thuộc Tổng cục Hậu cần, theo Quyết định số 3967/QĐ-BQP ngày 28/12/2007 của Bộ Quốc phòng, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100109339 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 31/12/2008, Công ty có 12 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 10/5/2024 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh thì Vốn điều lệ của Công ty là **172.500.000.000 VND** (Một trăm bảy mươi hai tỷ, năm trăm triệu đồng).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là X20.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh mặt hàng dệt và may mặc.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính là:

- Kinh doanh hàng dệt, nhuộm, may, nguyên phụ liệu hàng dệt, nhuộm, may; Kinh doanh nhiên liệu, hóa chất, thuốc nhuộm phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh máy móc, thiết bị, phụ tùng ngành dệt, nhuộm, may; Dịch vụ tư vấn quản lý và kỹ thuật trong ngành dệt, nhuộm và may; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Sản xuất thiết bị bảo vệ an toàn như: quần áo chống cháy, dây bảo hiểm, phao cứu sinh, ...; Sản xuất chổi, bàn chải bao gồm bàn chải là bộ phận của máy móc, bàn chải sàn cơ khí điều khiển bằng tay, giẻ lau, máy hút bụi lông, chổi vẽ, trục lăn, ...;
- Xây dựng nhà các loại;
- Dịch vụ đào tạo lao động ngành dệt, nhuộm, may và cung ứng lao động; Quảng cáo và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Kinh doanh siêu thị, hệ thống cửa hàng; Đại lý kinh doanh xăng dầu, chất đốt; Kinh doanh thùng, hòm hộp, bao gói sản phẩm các loại phục vụ sản xuất và tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, thiết bị đồ dùng gia đình, trang thiết bị, đồ dùng văn phòng;
- Kinh doanh các mặt hàng nông sản, thủy sản, hải sản, lâm sản các loại; Kinh doanh các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng; Kinh doanh các mặt hàng lương thực, thực phẩm, đồ uống phục vụ sản xuất và tiêu dùng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày./.

**Trụ sở chính của Công ty:** Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong khoảng thời gian không quá 12 tháng.

Mẫu số B 09a – DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

*Thông tin chi tiết về các công ty con được hợp nhất vào Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến 30/6/2024 như sau:*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
1. Công ty TNHH MTV X20 Nam Định	Lô 01 – KCN Hòa Xá, phường Mỹ Xá, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dệt, nhuộm, may	100%	100%
2. Công ty TNHH MTV X20 Thái Nguyên	Xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dệt may in	100%	100%
3. Công ty TNHH MTV X20 Nghệ An	Số 01 Tuệ Tĩnh, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm may mặc	100%	100%
4. Công ty TNHH MTV X20 Thanh Hóa	Số 04 Lê Hồng Phong, phường Ba Đình, TP. Thanh Hóa	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dệt, nhuộm, may	100%	100%

*Thông tin chi tiết về các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu:*

Công ty chi đầu tư vào Công ty Cổ phần 199 có trụ sở chính tại thôn Mậu Chử, xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty liên kết này là sản xuất hàng may sẵn. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty liên kết là 33,4%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

**6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

**7. Số lượng cán bộ nhân viên**

Số lượng nhân viên tại ngày 30/6/2024 là 2.010 người (tại ngày 31/12/2023: 2.040 người).

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán****1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (“VND”), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Mẫu số B 09a – DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)***III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng****1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**IV. Các chính sách kế toán chủ yếu****1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

***Lợi ích cổ đông không kiểm soát***

Do tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết tại tất cả các Công ty con là 100% nên không có lợi ích cổ đông không kiểm soát.

***Hợp nhất kinh doanh***

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Công ty phải xem xét quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty được mua được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý

Mẫu số B 09a – DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)*

của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Công ty được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Khi phần lỗ của Công ty liên kết mà Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Công ty trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong năm bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là tỷ giá công bố của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**3. Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc

Mẫu số B 09a – DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)*

dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, già định đặt ra.

**4. Nguyên tắc xác định các khoản tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**5. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết trả nợ mà doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

**6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

**7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ****7.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



Mẫu số B 09a – DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
Nhà cửa vật kiến trúc	07 – 25
Máy móc, thiết bị	05 – 12
Phương tiện vận tải	05 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	02 – 05
Tài sản cố định khác	02 – 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**7.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất, Chương trình phần mềm.

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (20 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.



Mẫu số B 09a – DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)***Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 đến 05 năm.

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí cải tạo nhà xưởng, chi phí triển khai phần mềm sản xuất và chi phí thi công các hạng mục Chi nhánh Miền Trung được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: chi phí công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và các chi phí chờ phân bổ khác.

Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 12 tháng đến 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định thể hiện các chi phí chính phát sinh trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

**10. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

107  
C  
RÁC  
KIỂM  
AU

Mẫu số B 09a – DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)***11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước tiền thuê đất Quốc phòng, chi phí Dự án xây dựng nhà chung cư và các khoản chi phí trích trước khác, là các chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo và các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa ghi nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản dự phòng của Công ty là Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa.

***Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa***

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa bằng 4% trên doanh thu các sản phẩm, hàng hóa. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

**13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng kinh doanh hàng may mặc đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về các mặt hàng may mặc.

**14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ
- Hỗ trợ phát triển khoa học công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trích lập trong kỳ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện tại quỹ có thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau/tính vào chi phí hoặc phân bổ cho các năm sau.

**15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**Mẫu số B 09a – DN/HN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm may mặc; doanh thu dịch vụ cho thuê mặt bằng, tài sản và doanh thu tiền lãi.

***Doanh thu bán hàng hóa***

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Mẫu số B 09a – DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)****Doanh thu tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ là tổng chi phí tài chính trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chênh lệch tỷ giá.

**18. Các nghĩa vụ về thuế*****Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và được ghi nhận vào Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền

***Thuế khác***

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Mẫu số B 09a - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

**19. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh sản phẩm may mặc và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Tiền</b>	<b>100.600.431.445</b>	<b>54.063.158.325</b>
Tiền mặt	3.283.104.936	2.879.552.552
Tiền gửi ngân hàng	97.317.326.509	51.183.605.773
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>-</b>	<b>1.505.363.014</b>
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	-	1.505.363.014
<b>Cộng</b>	<b>100.600.431.445</b>	<b>55.568.521.339</b>

**2. Phải thu của khách hàng**

	Đơn vị tính: VND			
	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Công ty CP Đầu tư Cái Mép	9.301.376.971	(9.301.376.971)	9.301.376.971	(9.301.376.971)
Công ty CP sản xuất và Thương mại Kim Ánh	1.715.015.284	-	2.939.663.793	-
Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	23.154.791.994	-
Cục Quân nhu - Tổng cục Hậu cần	-	-	11.270.971.838	-
Công ty Đầu tư Sản xuất và Thương mại Hòa An	1.038.257.550	(1.038.257.550)	1.038.257.550	(1.038.257.550)
Công ty CP Dệt - May Nha Trang - CN Hồ Chí Minh	2.198.913.485	-	753.923.946	-
Cục Dân Quân Tự Vệ	-	-	31.592.259.900	-
Bộ Tư lệnh Hải quân	2.363.605.508	-	-	-
Công ty CP 26	5.418.146.160	-	-	-
Các đối tượng khác	27.716.646.938	(3.042.391.740)	22.726.699.710	(2.930.073.607)
<b>Cộng</b>	<b>49.751.961.896</b>	<b>(13.382.026.261)</b>	<b>102.777.945.702</b>	<b>(13.269.708.128)</b>

b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,  
quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024  
đến ngày 30/6/2024

Mẫu số B 09a - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

**3. Các khoản đầu tư tài chính**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Định (*)	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>300.000.000</b>	<b>300.000.000</b>	<b>300.000.000</b>	<b>300.000.000</b>

(\*) Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 380/2023/2311 ngày 29/6/2023, kỳ hạn 12 tháng, lãi vào cuối kỳ với giá trị 300.000.000 đồng.

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Điều chỉnh lũy kế	Giá gốc	Điều chỉnh lũy kế
Đầu tư vào công ty liên kết	1.659.000.000	1.810.242.822	1.659.000.000	1.689.194.519
Công ty Cổ phần 199 (*)	1.659.000.000	1.810.242.822	1.659.000.000	1.689.194.519
<b>Cộng</b>	<b>1.659.000.000</b>	<b>1.810.242.822</b>	<b>1.659.000.000</b>	<b>1.689.194.519</b>

(\*) Công ty Cổ phần 199 hoạt động kinh doanh bình thường và không có sự thay đổi lớn so với năm trước. Các giao dịch phát sinh chủ yếu với Công ty là giao dịch mua bán hàng hóa và phân phối lợi nhuận.

Tại thời điểm 30/6/2024, khoản đầu tư nêu trên không xác định được giá trị hợp lý do không có giá trị giao dịch trên thị trường hoặc không có đầy đủ thông tin cần thiết để đánh giá lại giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,  
quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024  
đến ngày 30/6/2024

Mẫu số B 09a - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

**4. Trả trước cho người bán**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty CP Thời trang Haki	1.635.374.440	1.523.424.641
Công ty TNHH Sản xuất thương mại và Xây dựng Minh Cường	1.134.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại LT	1.405.479.859	-
Công ty TNHH Thiết bị Khách sạn quốc tế Furnotel Việt Nam	3.711.898.242	-
Các đối tượng khác	2.745.869.351	304.500.000
<b>Cộng</b>	<b>10.632.621.892</b>	<b>1.827.924.641</b>

**5. Phải thu khác**

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Tạm ứng	1.028.311.610	-	37.978.800	-
Cầm cố, ký cược, ký quỹ	103.766.000	-	11.500.000	-
Phải thu khác	706.613.455	-	129.868.914	-
Các đối tượng khác	706.613.455	-	129.868.914	-
Dư nợ phải trả khác	-	-	24.819.841	-
<b>Cộng</b>	<b>1.838.691.065</b>	<b>-</b>	<b>204.167.555</b>	<b>-</b>

b) Phải thu khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

**6. Nợ xấu**

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng không có khả năng thu hồi</b>				
<b>Phải thu khách hàng</b>				
Công ty CP Đầu tư Cái Mép	9.301.376.971	-	9.301.376.971	-
CK Diaz General Merchandise	1.501.676.716	-	1.392.082.205	-
Công ty TNHH Pearl Global Việt Nam	997.191.910	-	997.191.910	-
Công ty CP Đầu tư và Sản xuất Thương mại Hòa An	1.038.257.550	-	1.038.257.550	-
Các đối tượng khác	543.523.114	-	540.799.492	-
<b>Cộng</b>	<b>13.382.026.261</b>	<b>-</b>	<b>13.269.708.128</b>	<b>-</b>

Mẫu số B 09a - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

**7. Hàng tồn kho**

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	Đơn vị tính: VND			
Nguyên liệu, vật liệu	22.888.014.307	(4.844.836.210)	31.845.825.332	(5.144.191.967)
Công cụ, dụng cụ	637.607.228	-	492.687.578	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.556.101.399	-	31.657.041.074	-
Thành phẩm	68.669.872.431	(1.394.892.759)	142.312.736.685	(1.773.854.799)
Hàng hoá	5.208.717.065	-	20.235.789.550	(86.223.476)
<b>Cộng</b>	<b>115.960.312.430</b>	<b>(6.239.728.969)</b>	<b>226.544.080.219</b>	<b>(7.004.270.242)</b>

**8. Chi phí trả trước**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.545.932.975</b>	<b>464.930.876</b>
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	563.213.253	113.924.341
Chi phí sửa chữa, cải tạo chờ phân bổ	135.518.329	189.484.146
Chi phí bảo hiểm chờ phân bổ	302.934.332	101.788.126
Tiền thuê đất	290.400.000	-
Chi phí trả trước khác	253.867.061	59.734.263
<b>b) Dài hạn</b>	<b>6.953.263.782</b>	<b>9.007.949.387</b>
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	1.486.080.830	1.068.223.803
Chi phí sửa chữa, cải tạo chờ phân bổ	5.389.682.952	7.863.412.810
Chi phí trả trước khác	77.500.000	76.312.774
<b>Cộng</b>	<b>8.499.196.757</b>	<b>9.472.880.263</b>

**9. Tài sản dở dang dài hạn**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>		
Các hạng mục cải tạo nhà xưởng TMC	185.443.519	185.443.519
Phần mềm quản trị doanh nghiệp Viindoo	750.600.000	750.600.000
Quy hoạch, di dời, đầu tư máy móc phân xưởng nhuộm	388.000.000	388.000.000
Chi phí thi công các hạng mục Chi nhánh Miền Trung	631.377.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.955.420.519</b>	<b>1.324.043.519</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,  
quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024  
đến ngày 30/6/2024

Mẫu số B 09a - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

**10. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND	
						Cộng	
<i>Nguyên giá</i>							
Số dư ngày 01/01/2024	287.070.108.306	179.844.759.019	19.918.412.494	7.241.362.937	5.094.292.127	499.168.934.883	
Mua trong kỳ	-	3.303.571.704	3.119.792.087	319.300.000	-	6.742.663.791	
Đầu tư XD/CB hoàn thành	505.455.426	-	-	-	-	505.455.426	
Phân loại lại giữa các nhóm tài sản	(594.154.545)	594.154.545	-	-	-	-	
Số dư ngày 30/6/2024	286.981.409.187	183.742.485.268	23.038.204.581	7.560.662.937	5.094.292.127	506.417.054.100	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>							
Số dư ngày 01/01/2024	160.851.231.577	131.158.811.149	13.673.204.944	5.684.648.167	4.380.292.127	315.748.187.964	
Khấu hao trong kỳ	8.278.963.980	8.430.302.384	762.071.512	277.199.984	-	17.748.537.860	
Phân loại lại giữa các nhóm tài sản	(594.154.545)	594.154.545	-	-	-	-	
Số dư ngày 30/6/2024	168.536.041.012	140.183.268.078	14.435.276.456	5.961.848.151	4.380.292.127	333.496.725.824	
<i>Giá trị còn lại</i>							
Tại ngày 01/01/2024	126.218.876.729	48.685.947.870	6.245.207.550	1.556.714.770	714.000.000	183.420.746.919	
Tại ngày 30/6/2024	118.445.368.175	43.559.217.190	8.602.928.125	1.598.814.786	714.000.000	172.920.328.276	

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 154.698.562.123 đồng (Tại ngày 31/12/2023 là 140.809.504.842 đồng)

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**

Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,  
quận Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024  
đến ngày 30/6/2024

Mẫu số B 09a - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Đơn vị tính: VND
			Cộng
<i>Nguyên giá</i>			
Số dư ngày 01/01/2024	11.407.938.627	1.218.867.720	12.626.806.347
Số dư ngày 30/06/2024	11.407.938.627	1.218.867.720	12.626.806.347
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
Số dư ngày 01/01/2024	618.628.608	785.273.243	1.403.901.851
Khấu hao trong kỳ	47.586.816	106.883.322	154.470.138
Số dư ngày 30/06/2024	666.215.424	892.156.565	1.558.371.989
<i>Giá trị còn lại</i>			
Tại ngày 01/01/2024	10.789.310.019	433.594.477	11.222.904.496
Tại ngày 30/06/2024	10.741.723.203	326.711.155	11.068.434.358

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 263.367.720 đồng (Tại ngày 31/12/2023 là 263.367.720 đồng)

**12. Phải trả người bán**

	Đơn vị tính: VND			
	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Công ty CP Nhuộm Hà Nội	8.905.720.610	8.905.720.610	32.179.229.620	32.179.229.620
Công ty TNHH Dệt May Châu Giang	13.109.707.154	13.109.707.154	55.638.495.436	55.638.495.436
Công ty CP Dệt Lụa Nam Định	-	-	1.517.120.414	1.517.120.414
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hoa Tiến	7.477.576.211	7.477.576.211	24.369.946.353	24.369.946.353
Công ty CP Dệt may 7	234.329.280	234.329.280	9.801.567.756	9.801.567.756
Công ty CP May Khang Việt	-	-	3.921.179.300	3.921.179.300
Công ty TNHH Phong Lan	669.250.400	669.250.400	13.170.009.154	13.170.009.154
Công ty CP 199	-	-	13.857.015.489	13.857.015.489
Công ty TNHH Sản xuất kinh doanh Vĩnh Thịnh	-	-	2.510.273.052	2.510.273.052
Các đối tượng khác	45.486.599.608	45.486.599.608	75.440.415.158	75.440.415.158
<b>Cộng</b>	<b>75.883.183.263</b>	<b>75.883.183.263</b>	<b>232.405.251.732</b>	<b>232.405.251.732</b>

b) *Phải trả người bán là các bên liên quan:* Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

8-C  
TY  
HỮU  
ĐỊNH  
AN  
TP

Mẫu số B 09a - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

**13. Người mua trả tiền trước**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần	55.634.774.626	-
Các đối tượng khác	7.480.560.046	3.513.594.515
<b>Cộng</b>	<b>63.115.334.672</b>	<b>3.513.594.515</b>

b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Khoản mục	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Đơn vị tính: VND
				30/6/2024
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế GTGT	5.117.618.977	8.559.866.359	12.809.249.133	868.236.203
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.327.279.130	4.665.861.134	3.910.373.039	3.082.767.225
Thuế thu nhập cá nhân	31.984.537	638.161.736	670.146.273	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	291.598.425	291.598.425	-
Các loại thuế khác	-	18.000.000	18.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	307.519.360	307.519.360	-
<b>Cộng</b>	<b>7.476.882.644</b>	<b>14.189.408.589</b>	<b>17.715.287.805</b>	<b>3.951.003.428</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế GTGT	-	-	811.363	811.363
Thuế thu nhập doanh nghiệp	418.669.774	418.669.774	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	163.082.262	493.784.727	473.211.105	142.508.640
<b>Cộng</b>	<b>581.752.036</b>	<b>912.454.501</b>	<b>474.022.468</b>	<b>143.320.003</b>

**15. Chi phí phải trả**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Trích trước tiền lương nghỉ phép	-	564.868.800
Trích trước tiền thuê đất Quốc phòng	1.140.627.580	3.507.926.147
Trích trước chi phí Dự án xây dựng nhà chung cư	958.834.999	958.834.999
Trích trước chi phí khác	273.401.235	639.343.096
<b>Cộng</b>	<b>2.372.863.814</b>	<b>5.670.973.042</b>

Mẫu số B 09a - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

**16. Doanh thu chưa thực hiện**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	<b>150.282.000</b>	<b>54.450.000</b>
Doanh thu nhận trước hợp đồng hợp tác kinh doanh	150.282.000	54.450.000
<i>b) Dài hạn</i>	<b>70.527.832</b>	<b>-</b>
Doanh thu nhận trước hợp đồng hợp tác kinh doanh	70.527.832	-
<b>Cộng</b>	<b>220.809.832</b>	<b>54.450.000</b>

**17. Phải trả khác**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	<b>7.993.756.890</b>	<b>6.521.889.996</b>
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	5.196.964.317	1.740.682.554
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	780.000.000	750.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.016.792.573	4.031.207.442
<i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả</i>	<b>222.630.200</b>	<b>222.630.200</b>
<i>Các đối tượng khác</i>	<b>1.794.162.373</b>	<b>3.808.577.242</b>
<i>b) Dài hạn</i>	<b>1.503.000.000</b>	<b>1.498.000.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.503.000.000	1.498.000.000
<b>Cộng</b>	<b>9.496.756.890</b>	<b>8.019.889.996</b>

**18. Dự phòng phải trả**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	-	3.052.439.862
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>3.052.439.862</b>

**19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả****19.1 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	537.271.278
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>-</b>	<b>537.271.278</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN X20**Địa chỉ: Số 35 Phan Đình Giót, phường Phương Liệt,  
quận Thanh Xuân, Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024  
đến ngày 30/6/2024

Mẫu số B 09a - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

**19.2 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	431.928.373	-
Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(122.031.625)	-
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>309.896.748</b>	<b>-</b>

**20. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

	Đơn vị tính: VND	
	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	Cộng
Số đầu kỳ	1.965.601.768	1.965.601.768
Trích lập quỹ	-	-
Chi nghiên cứu, phát triển khoa học và công nghệ	-	-
Số cuối kỳ	<b>1.965.601.768</b>	<b>1.965.601.768</b>

**21. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
			Cộng
<b>Số dư ngày 01/01/2023</b>	<b>172.500.000.000</b>	<b>20.045.767.068</b>	<b>192.545.767.068</b>
Lãi trong năm trước	-	20.380.492.065	20.380.492.065
Chia cổ tức		(8.625.000.000)	(8.625.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(7.525.784.906)	(7.525.784.906)
Tạm phân phối lợi nhuận năm 2023	-	(5.145.115.183)	(5.145.115.183)
Giảm khác		(515.251.690)	(515.251.690)
<b>Số dư ngày 31/12/2023</b>	<b>172.500.000.000</b>	<b>18.615.107.354</b>	<b>191.115.107.354</b>
Lãi trong kỳ này	-	11.756.630.002	11.756.630.002
Giảm khác	-	(116.079.556)	(116.079.556)
<b>Số dư ngày 30/6/2024</b>	<b>172.500.000.000</b>	<b>30.255.657.800</b>	<b>202.755.657.800</b>

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bộ Quốc phòng	123.711.900.000	123.711.900.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Cái Mép	5.000.000.000	5.000.000.000

Mẫu số B 09a - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)*

Các đối tượng khác	43.788.100.000	43.788.100.000
<b>Cộng</b>	<b>172.500.000.000</b>	<b>172.500.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu kỳ	172.500.000.000	172.500.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	172.500.000.000	172.500.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	-	<b>8.625.000.000</b>

**d) Cổ phiếu**

	30/6/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	17.250.000	17.250.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	17.250.000	17.250.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>17.250.000</i>	<i>17.250.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.250.000	17.250.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>17.250.000</i>	<i>17.250.000</i>

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu***e) Các quỹ của doanh nghiệp**

Khoản mục	01/01/2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Đơn vị tính: VND
				30/6/2024
Quỹ đầu tư phát triển	68.091.509.624	-	-	68.091.509.624
<b>Cộng</b>	<b>68.091.509.624</b>	-	-	<b>68.091.509.624</b>

**Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:**

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty.

**22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ**

	30/6/2024	01/01/2024
<b>a) Hàng hóa, vật tư nhận giữ hộ</b>		
Vải (mét)	23.370	52.267
Chỉ (cuộn)	912	6.378
Quần áo (bộ)	38.385	91.130
Vật tư khác	1.843.895	347.688

Mẫu số B 09a - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)***b) Ngoại tệ các loại**

Dollar Mỹ (USD)	38.325,23	219.696,02
-----------------	-----------	------------

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ****1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023
	VND	VND
<b>a) Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	499.660.391.013	427.320.597.125
<b>Cộng</b>	<u>499.660.391.013</u>	<u>427.320.597.125</u>

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ	425.625.570.334	346.310.091.213
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(764.541.273)	(1.527.815.948)
<b>Cộng</b>	<u>424.861.029.061</u>	<u>344.782.275.265</u>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	268.482.893	2.263.020.613
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	468.633.051	71.566.744
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	108.499.209	4.955.653
<b>Cộng</b>	<u>845.615.153</u>	<u>2.339.543.010</u>

**4. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	-	5.802.953
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.685.469	23.299.603
<b>Cộng</b>	<u>1.685.469</u>	<u>29.102.556</u>

Mẫu số B 09a - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)***5. Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ, CCDC	-	37.636.364
Thu nhập từ cho thuê nhà công vụ	93.772.220	45.573.503
Thu nhập từ phạt vi phạm hợp đồng	-	34.113.617
Thu nhập khác	36.297.706	-
<b>Cộng</b>	<b>130.069.926</b>	<b>117.323.484</b>

**6. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023
	VND	VND
Tiền phạt thuế và lãi chậm nộp bảo hiểm	158.604.642	58.876.182
Chi ủng hộ	14.000.000	1.000.000
Thuế GTGT đầu vào không được trừ	124.909.273	335.070.000
Chi phí khác	9.556.594	29.314.762
<b>Cộng</b>	<b>307.070.509</b>	<b>424.260.944</b>

**7. Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>6.099.915.272</b>	<b>13.176.562.817</b>
Chi phí nhân viên bán hàng	382.179.607	341.015.639
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.796.116.427	3.163.629.698
Chi phí dụng cụ đồ dùng	44.294.858	94.695.740
Chi phí khấu hao TSCĐ	189.505.440	85.609.135
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.152.449.499	4.240.179.656
Chi phí bằng tiền khác	2.535.369.441	5.251.432.949
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>55.957.141.783</b>	<b>60.383.076.943</b>
Chi phí nhân viên quản lý	27.208.527.377	28.719.094.838
Chi phí nguyên vật liệu quản lý	988.203.956	493.652.844
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.008.749.769	3.339.292.296
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.034.470.732	2.008.672.526
Thuế, phí, lệ phí	1.371.691.959	1.210.893.114
Chi phí dự phòng	112.318.133	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.957.942.811	4.811.878.449
Chi phí bằng tiền khác	17.275.237.046	19.799.592.876



Mẫu số B 09a - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

<b>c) Các khoản giảm chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>(4.158.046.635)</b>	<b>(4.061.065.258)</b>
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm	(3.052.439.862)	(2.756.985.771)
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(180.480.792)
Hoàn nhập dự phòng tiền lương	(1.105.606.773)	(1.123.598.695)
<b>8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	177.145.637.292	197.240.391.133
Chi phí nhân công	115.213.828.208	133.266.435.007
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.903.007.998	14.857.978.664
Chi phí dịch vụ mua ngoài	78.932.864.878	84.258.115.557
Chi phí bằng tiền khác	23.958.806.967	31.997.302.303
<b>Cộng</b>	<b>413.154.145.343</b>	<b>461.620.222.664</b>
<b>9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập năm chịu thuế hiện hành	5.056.108.900	3.112.124.571
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	28.422.008	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>5.084.530.908</b>	<b>3.112.124.571</b>
<b>10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.756.630.002	11.640.122.674
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	11.756.630.002	11.640.122.674
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	17.250.000	17.250.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	682	675

Mẫu số B 09a - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

(\*) Kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024, lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa được Công ty loại trừ số trích quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có kế hoạch trích lập.

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ****1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	-	1.260.760.670
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.260.760.670</b>

**VIII. Những thông tin khác****1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 02/8/2024, Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023, lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối là 13.753.086.269 đồng, trong đó chi cổ tức là 10.350.000.000 đồng, trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 3.018.127.653 đồng và trích Quỹ khen thưởng ban điều hành là 384.958.616 đồng.

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2024.

**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**a) Danh sách các bên liên quan:**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Bộ Quốc Phòng	Cổ đông sở hữu 71,72% vốn
Cục Hậu cần - Tổng Cục Hậu cần	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Công ty Cổ phần 22	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Công ty Cổ phần 26	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Công ty Cổ phần X19 Miền Trung	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Đắc Lắc	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Hà Nội	Đơn vị trực thuộc Bộ Quốc Phòng
Công ty Cổ phần 199	Công ty liên kết
Ông Chu Văn Đệ	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Lan Phương	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 02/8/2024)

Mẫu số B 09a - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)*

Ông Hoàng Văn Linh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 02/8/2024)
Ông Đỗ Hoàng Sơn	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Hữu Tâm	Thành viên HĐQT
Ông Hoàng Sỹ Tâm	Phó Chủ tịch - Tổng Giám đốc
Ông Hà Chí Khoa	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc
Ông Phạm Văn Đông	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Văn Nghĩa	Thành viên HĐQT - Phó Tổng giám đốc
Bà Ngô Thị Hoa	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm từ ngày 02/8/2024) - Trưởng Ban kiểm soát (Miễn nhiệm từ ngày 02/8/2024)
Bà Phan Thị Thúy	Thành viên ban kiểm soát
Ông Nguyễn Văn Vinh	Thành viên ban kiểm soát

**b) Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan**

	Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023
	VND	VND
<b>Mua hàng</b>	<b>19.653.802.709</b>	<b>8.625.429.394</b>
Công ty Cổ phần 199	17.865.874.000	7.261.849.800
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	284.855.584	583.892.419
Công ty Cổ phần 22	74.652.778	86.500.480
Công ty Cổ phần 26	95.351.852	59.136.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Hà Nội	427.037.495	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Đắc Lắc	906.031.000	634.050.695
<b>Bán hàng</b>	<b>370.951.802.191</b>	<b>7.451.439.500</b>
Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần	362.001.220.477	-
Công ty Cổ phần 199	-	81.000.000
Công ty Cổ phần X19 Miền Trung	1.304.973.954	-
Công ty Cổ phần 26	7.645.607.760	7.370.439.500
<b>Cổ tức phải trả</b>	<b>-</b>	<b>6.185.595.000</b>
Bộ Quốc Phòng	-	6.185.595.000

**c) Số dư với các bên liên quan**

	30/6/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng</b>	<b>7.406.256.381</b>	<b>11.270.971.838</b>
Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần	-	11.270.971.838
Công ty Cổ phần 26	7.406.256.381	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>71.175.684</b>	<b>-</b>
Cục Hậu cần - Tổng Cục Hậu cần	71.175.684	-

Mẫu số B 09a - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

<b>Phải trả người bán</b>	<b>771.776.578</b>	<b>14.428.271.270</b>
Công ty Cổ phần 199	-	13.857.015.489
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Hà Nội	361.678.978	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần 32 tại Đắc Lắc	410.097.600	571.255.781
<b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>55.658.372.148</b>	<b>-</b>
Cục Quân nhu - Tổng Cục Hậu cần	55.634.774.626	-
Công ty Cổ phần 199	23.597.522	-

**d) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt**

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	975.696.268	1.431.141.274
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị	28.800.000	34.800.000
Thu nhập và thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát	171.978.043	204.620.958
<b>Cộng</b>	<b>1.176.474.311</b>	<b>1.670.562.232</b>

Chi tiết từng thành viên như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/6/2024</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 30/6/2023</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt</b>		<b>975.696.268</b>	<b>1.431.141.274</b>
Ông Chu Văn Đệ	Chủ tịch Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 01/7/2023)	234.113.430	228.805.917
Ông Vũ Văn Nhất	Chủ tịch Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 01/7/2023)	-	285.372.755
Ông Hoàng Sỹ Tâm	Tổng Giám đốc	218.478.071	265.494.802
Ông Hà Chí Khoa	Phó Tổng giám đốc	181.662.690	231.433.572
Ông Phạm Văn Đông	Phó Tổng giám đốc	176.246.179	224.322.178
Ông Lê Văn Nghĩa	Kế toán trưởng	165.195.898	195.712.050
<b>Thù lao các thành viên Hội đồng quản trị</b>		<b>28.800.000</b>	<b>34.800.000</b>
Bà Nguyễn Thị Lan Phư	Thành viên độc lập	14.400.000	17.400.000
Ông Hoàng Văn Linh	Thành viên độc lập	14.400.000	17.400.000
<b>Thu nhập và thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát</b>		<b>171.978.043</b>	<b>204.620.958</b>
Bà Ngô Thị Hoa	Trưởng ban (chuyên trách)	152.778.043	185.420.958
Bà Phan Thị Thúy	Thành viên	9.600.000	9.600.000
Ông Nguyễn Văn Vinh	Thành viên	9.600.000	9.600.000
<b>Cộng</b>		<b>1.176.474.311</b>	<b>1.670.562.232</b>

Mẫu số B 09a - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo)

**3. Thông tin so sánh**

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/6/2023 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần X20 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN X20

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Trần Thị Thúy Hằng

Ngô Thị Hoa

Chu Văn Đệ

